

Bản án số: 37/2018/HS-PT
Ngày 17/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Thái;
Ông Hà Quang Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Hoa Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 47/2018/TLPT-HS ngày 02/8/2018 đối với bị cáo Ng V Q do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2018/HS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị cáo kháng cáo: **Ng V Q**, sinh ngày 14/7/1955 tại tỉnh HN; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Ch Ch, xã BT, huyện ĐT, tỉnh TN; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ng V Kh và bà Đ Th Th (đều đã chết); có vợ là Ng T M và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ph N Th - Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. (Tòa không triệu tập).

- Người làm chứng: Do không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2015 Ng V Q nhận được tiền đền bù thu hồi đất tại huyện Đại, tỉnh Thái Nguyên, do không còn đất canh tác nên Q đã đến xã Đồng Xá, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn mua đất rừng của các hộ dân trong xã với mục đích để trồng cây ăn quả và trồng cây keo phát triển kinh tế gia đình. Sau khi mua được đất, Q đã làm thủ tục và được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 02 giấy chứng nhận mang tên Ng V Q, 01 giấy chứng nhận mang tên Ng V L (con trai Q), cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 68, tờ bản đồ số 3, diện tích 155.998 m², hình thức sử dụng riêng, đất rừng sản xuất, mang tên Ng V L;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 308, tờ bản đồ số 3, diện tích 149.591,1 m², hình thức sử dụng riêng, đất rừng sản xuất, mang tên Ng V Q;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 96, tờ bản đồ số 3, diện tích 215.116 m², hình thức sử dụng riêng, đất rừng sản xuất, mang tên Ng V Q;

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Q đã thuê làm thủ tục, hồ sơ thiết kế đề nghị cải tạo diện tích đất rừng trên, nhưng chưa được cơ quan thẩm quyền cho phép. Vào khoảng từ cuối năm 2015 đến tháng 02/2017, Q thuê một số người đến chặt phát một phần diện tích rừng nói trên, được chia làm 06 khu khác nhau, sau đó đốt xử lý thực bì và thuê người trồng cây gỗ keo.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/4/2017, xác định khu rừng Ng V Q phát phá gồm 02 đám rừng, thuộc thôn Kh N, xã DX, huyện NR, tỉnh BK. Đám rừng thứ nhất là rừng tự nhiên sản xuất, diện tích rừng bị phát phá là 21.549 m², số gỗ bị cắt hạ là 153 cây (gỗ thuộc nhóm từ V-VIII), tổng khối lượng là 98,179 m³; đám rừng thứ hai là rừng tự nhiên sản xuất, diện tích rừng bị phát phá là 6.147 m², số gỗ bị cắt hạ là 77 cây (gỗ thuộc nhóm từ V-VIII), tổng khối lượng là 15,275 m³. Toàn bộ diện tích rừng bị phát phá thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đồng Xá và thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS040413 cấp ngày 06/8/2015, mang tên Ng V Q. Trên diện tích bị phát phá đã được trồng cây gỗ keo, có chiều cao trung bình khoảng 30 cm.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21/4/2017, xác định khu rừng Ng V Q phát phá là 01 đám rừng, thuộc thôn Khuổi Nạc, xã Đồng Xá, huyện Na Rì, diện tích rừng bị phát phá là 45.444 m², số gỗ bị cắt hạ là 392 cây (gỗ thuộc nhóm từ V-VIII), tổng khối lượng là 100,541 m³ và 18.357 cây vầu bị cắt hạ (có đường kính từ 01 đến 06 cm). Toàn bộ diện tích rừng bị phát phá thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đồng Xá và thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB840699 cấp ngày 28/12/2016, mang tên Ng V Q. Trên diện tích bị phát phá đã được trồng cây gỗ keo, có chiều cao trung bình khoảng 30 cm.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22/4/2017, xác định khu rừng Ng V Q phát phá gồm 02 đám rừng, thuộc thôn Khuổi Nạc, xã Đồng Xá, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Đám rừng thứ nhất bị phát phá với diện tích là 9.035 m², số gỗ bị cắt hạ là 104 cây, tổng khối lượng là 13,319 m³. Đám rừng thứ hai diện tích bị phát

phá là 13.209 m², số gỗ bị cắt hạ là 168 cây, tổng khối lượng là 32,376 m³. Toàn bộ diện tích rừng bị phát phá thuộc thửa số 68, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đồng Xá và thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS040412 cấp ngày 06/8/2015, mang tên Ng V L. Trên diện tích bị phát phá đã được trồng cây gỗ keo, có chiều cao trung bình khoảng 30 cm.

Quá trình điều tra tiếp tục phát hiện Ng V Q đã tự ý phát phá 01 đám rừng thuộc hai thửa đất liền kề số 68 và 96, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đồng Xá. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 29/12/2017, xác định khu rừng bị phát phá với diện tích là 26.841 m² (không xác định được số lượng và khối lượng gỗ, do gỗ đã bị mục nát). Toàn bộ diện tích rừng bị phát phá thuộc 02 thửa đất số 68 và 96, tờ bản đồ số 3 đất lâm nghiệp xã Đồng Xá, diện tích bị phát phá thuộc thửa đất số 68 là 21.211 m²; diện tích bị phát phá thuộc thửa đất số 96 là 630 m². Trên diện tích bị phát phá đã được trồng cây gỗ keo, có chiều cao trung bình khoảng 3 đến 4 m.

Tổng diện tích rừng bị phát phá là 122.225 m², thiệt hại về lâm sản là 259,690 m³ gỗ và 18.357 cây vầu.

Kết luận định giá tài sản xác định tổng giá trị của số lượng gỗ và vầu bị chặt hạ là 194.072.550 đồng (*một trăm chín mươi bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm năm mươi đồng*).

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2018/HS-ST, ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã tuyên bố bị cáo Ng V Q phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 243, điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 189 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Ng V Q 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phạt bổ sung, vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Ng V Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 16/7/2018, bị cáo đã nhờ con trai là anh Ng V L nộp số tiền 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ng V Q giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, thừa nhận cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*” nhưng cho hưởng án treo; giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo, nên được Hội đồng xét xử xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Khoảng đầu năm 2015, Ng V Q sau khi mua được đất rừng và được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất các thửa đất số 68, 96 và 308 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đồng Xá tại thôn Khuổi Nạc, xã Đồng Xá, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, Q đã thuê một số người đến chặt phát 06 đám rừng thuộc một phần diện tích rừng nói trên, sau đó đốt xử lý thực bì và thuê người trồng cây gỗ keo. Khi bị cáo thực hiện hành vi trên, thì chưa được Cơ quan có thẩm quyền cho phép. Tổng diện tích rừng bị phát phá là 122.225 m², thiệt hại về lâm sản là 259,690 m³ gỗ và 18.357 cây vầu. Kết luận của Hội đồng định giá, xác định tổng giá trị số gỗ và vầu trên là 194.072.550 đồng (*Một trăm chín mươi tư nghìn, không trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi đồng*). Hành vi của bị cáo Q đã phạm tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b, khoản 3 Điều 243 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc viện dẫn các điều luật của BLHS 2015, khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đã được quy định tại BLHS 1999 là chưa đúng tinh thần của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Đối với việc bị cáo bị suy giảm sức khỏe 75% và được Hội nạn nhân chất độc da cam xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng giúp đỡ bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới tại giai đoạn phúc thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc mong muốn phát triển kinh tế gia đình, khi bị thu hồi hết đất canh tác tại nơi cư trú, bị cáo đã về quê mua lại đất để trồng rừng. Trước khi phạm tội, bị cáo đã thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ cấp phép cải tạo rừng, tuy nhiên do nhận thức pháp luật hạn chế và muốn trồng rừng kịp thời vụ nên đã phát phá, trồng rừng mới khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Hành vi hủy hoại rừng do bị cáo thực hiện, không nhằm mục đích lấy gỗ, lâm sản của rừng tự nhiên, mà để trồng rừng mới. Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định toàn bộ diện tích rừng bị hủy hoại trên, đều có trữ lượng gỗ thấp. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã trồng rừng mới, hiện tại đã có cây cao khoảng 4-5 m, đây được xác định là hành vi tích cực nhằm khắc phục hậu quả đối với môi trường sinh thái. Bên cạnh các nội dung trên, hành vi phạm tội của bị cáo

cũng có trách nhiệm một phần của chính quyền địa phương và cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong một thời gian rất dài, trên một không gian rất lớn, gần đường đi lại mà không bị nhắc nhở, xử lý và ngăn chặn kịp thời. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để bồi thường thiệt hại cho Nhà nước, thể hiện ý thức tích cực trong việc chấp hành pháp luật.

Qua nội dung phân tích ở trên, sau khi xem xét hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Thấy rằng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể và rõ ràng; bị cáo có đầy đủ các điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng các tình tiết mới, ghi nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Số tiền 200.000 đồng bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2018/HS-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 BLHS năm 1999. Khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51; điểm b, khoản 3 Điều 243 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội

- Xử phạt bị cáo Ng V Q 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Hủy hoại rừng*”. Thời gian thử thách là 60 (*sáu mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã BT, huyện ĐT, tỉnh TN giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Tạm giữ số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) của bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì theo biên lai thu tiền số 01031, ngày 16 tháng 7 năm 2018 để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Ng V Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện Na Rì;
- VKSND huyện Na Rì;
- TAND huyện Na Rì;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương